

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 958/2018/KDTM-PT

Ngày: 25/10/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
bảo lãnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Hồng Ân**
Bà Vũ Thị Thu Hà

Thư ký phiên tòa: **Bà Phan Thị H** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thị Thúy Ái** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 140/2018/KDTM-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3831/2018/QĐXX-PT ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH K

Địa chỉ: Lô W, đường C, Khu công nghiệp T, phường T, quận BT, TPHCM

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Ngọc V (Giấy ủy quyền số 180831/UQ-DNVA ngày 31/8/2018) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê H, Luật sư Văn phòng luật sư Lê H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: đường T, phường Đ, Quận Q, TPHCM

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần T (Giấy ủy quyền số 985/UQ-TGD.18 ngày 02/10/2018) (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty CP Công trình và Thương mại G (Vắng mặt)

Địa chỉ: 69 đường K, phường N, quận X, TP Hà Nội

Người kháng cáo: Bị đơn – Ngân hàng TMCP A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa, Nguyên đơn - Công ty TNHH K (viết tắt là Công ty K) do Bà Đoàn Ngọc V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/3/2012, Công ty K ký hợp đồng thuê cừ số OSP/DPM/TRACO/RG/01-MAR với Công ty Cổ phần Công trình và Thương mại G (viết tắt là Công ty G); theo thỏa thuận Công ty G phải cung cấp bảo lãnh thanh toán không điều kiện của Ngân hàng trước khi Công ty K giao hàng. Ngày 20/3/2012, Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Hà Nội đã phát hành thư bảo lãnh số MD1208000054 với giá trị bảo lãnh là 1.990.000.000 đồng, có hiệu lực 10 tháng kể từ ngày 19/3/2012 đến ngày 19/01/2013; trong quá trình thực hiện hợp đồng, thư bảo lãnh đã được gia hạn đến lần thứ 3 với hiệu lực đến hết ngày 19/4/2014; do Công ty G không thanh toán tiền theo thỏa thuận nên Công ty K đã nhiều lần gửi công văn đề nghị Ngân hàng TMCP A (viết tắt là Ngân hàng A) giải ngân thư bảo lãnh nhưng Ngân hàng A không thực hiện. Ngày 31/7/2014, Công ty K, Ngân hàng A và Công ty G đã lập biên bản làm việc ba bên thống nhất số tiền bảo lãnh còn lại phải trả là 1.592.000.000 đồng, sẽ thanh toán từ tháng 8/2014 đến tháng 3/2015, nhưng Ngân hàng A chỉ thanh toán 1.000.000.000 đồng. Do đó Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng A phải thanh toán cho Công ty K số tiền bảo lãnh là 592.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán từ tháng 4/2015 với lãi suất 1%/tháng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 29/8/2016 Ngân hàng A đã thanh toán cho Công ty K số tiền bảo lãnh còn lại là 592.000.000 đồng, nên Công ty K yêu cầu Ngân hàng A trả tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 4/2015 đến tháng 8/2016 theo lãi suất 9%/năm là 75.480.000 đồng.

Bị đơn - Ngân hàng TMCP A do ông Trần T, là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP A xác nhận có phát hành chứng thư bảo lãnh cho Công ty G với giá trị là 1.990.000.000 đồng; ngày 31/7/2014 ba bên có ký biên bản thống nhất số tiền bảo lãnh còn lại phải trả là 1.592.000.000 đồng, sẽ thanh toán từ tháng 8/2014 đến tháng 3/2015 và ngày 29/8/2016 Ngân hàng A đã thanh toán số tiền bảo lãnh còn lại 592.000.000 đồng cho Công ty K; do đó, Ngân hàng A không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán là 75.480.000 đồng theo yêu cầu của Công ty K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Công trình và Thương mại G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa :

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty K yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng A trả tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 4/2015 đến tháng 8/2016 theo lãi suất 9%/năm là 75.480.000 đồng và rút yêu cầu đòi Ngân hàng A trả số tiền 592.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán theo yêu cầu của Công ty K là 75.480.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Công trình và Thương mại G vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Tại bản án số 140/2018/KDTM-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH K;

Buộc Ngân hàng TMCP A trả cho Công ty TNHH K tiền lãi chậm thanh toán là 75.480.000 (bảy mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Công ty TNHH K đòi Ngân hàng TMCP A phải trả số tiền 592.000.000 (năm trăm chín mươi hai triệu) đồng.

Ngày 22/6/2018, bị đơn Ngân hàng TMCP A kháng cáo toàn bộ bản án số 140/2018/KDTM-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do nội dung bản án không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP A.

Tại phiên Tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do ông P ký đại diện cho Công ty TNHH K tại biên bản 3 bên gồm: Nguyên đơn, bị đơn và Công ty CP công trình và thương mại GTVT là không hợp lệ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tại Biên bản làm việc ba bên thì không ai có giấy ủy quyền, tuy nhiên ngân hàng TMCP A đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết số tiền gốc, bị đơn không có bất kỳ phản hồi nào về khoản tiền lãi chậm thanh toán. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1, TPHCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành

phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

I- Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP A nộp Tòa án trong thời hạn luật định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty Cổ phần Công trình và Thương mại G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần Công trình và Thương mại G như quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

II- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 19/3/2012 Nguyên đơn có ký hợp đồng thuê cừ số OSP/DPM/TRACO/RG/01-MAR với Công ty Cổ phần Công trình và Thương mại G để công ty này thuê cừ thực hiện dự án đầu tư công trình cầu lấn biển tại khu lấn biển tại Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Hợp đồng thỏa thuận Công ty Cổ phần Công trình và Thương mại G phải cung cấp bảo lãnh thanh toán không điều kiện của Ngân hàng trước khi Nguyên đơn giao hàng với giá trị bảo lãnh là 1.990.000.000 đồng. Do đó, ngày 20/3/2012, Bị đơn – Ngân hàng TMCP A Chi nhánh Hà Nội đã phát hành thư bảo lãnh số MD1208000054 với giá trị bảo lãnh là 1.990.000.000 đồng, có hiệu lực 10 tháng kể từ ngày 19/3/2012 đến ngày 19/3/2013 và được gia hạn hợp đồng 3 lần có hiệu lực đến hết ngày 19/4/2014, nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán. Ngày 31/7/2014 có biên bản làm việc gồm Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đã thống nhất số tiền thời hạn thanh toán số tiền bảo lãnh còn nợ lại là 1.592.000.000 đồng và thanh toán hạn cuối vào tháng 3/2015. Hết thời hạn nhưng bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 1.000.000.000 đồng, đến ngày 29/8/2016 Bị đơn mới chuyển hết số tiền còn lại là 592.000.000 đồng. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Bị đơn đã vi phạm điều khoản thanh toán tại Điều 4 của Hợp đồng làm ảnh hưởng đến lợi ích của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 336 Bộ luật dân sự 2015 về phạm vi bảo lãnh “Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, lãi trên số tiền chậm trả, tiền bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi do hành vi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 thì nguyên đơn được quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 9% là có lợi cho phía bị đơn, thời gian tính lãi từ tháng 4/2015 đến tháng 8/2016 đúng theo quy định pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng ông P không có tư cách ủy quyền để ký đại diện cho Công ty TNHH K trong Biên bản làm việc ba bên ngày 31/7/2014, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi các bên ký biên bản làm việc, bị đơn không có thắc mắc khiếu nại gì và vẫn tiếp tục thanh toán tiền cho phía nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay,

bị đơn chỉ trình bày ý kiến nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Từ những phân tích trên, xét thấy lời trình bày của nguyên đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

III- Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm c Khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 335, Khoản 2 Điều 336 và điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH K;

Buộc Ngân hàng TMCP A trả cho Công ty TNHH K tiền lãi chậm thanh toán là 75.480.000 (bảy mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Công ty TNHH K đòi Ngân hàng TMCP A phải trả số tiền 592.000.000 (năm trăm chín mươi hai triệu) đồng.

3. Ngân hàng TMCP A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.774.000 (ba triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng;

Hoàn lại cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.550.400 (mười bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn bốn trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí số 0003458 ngày 22/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ân phí phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP A phải chịu số tiền án phí là 2.000.000 đồng, được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0023214 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Ngân hàng TMCP A đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiền).

Biện Thị Hoa